|  |  |
| --- | --- |
| Use case 1 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Đăng ký |
| Mô tả | Đăng ký tài khoản người dùng |
| Actor | Người dùng khách hàng |
| Use-Case liên quan | Đăng nhập |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website |
| Tiền điều kiện | Người dùng nhấn nút đăng ký tại header.  Người dùng nhấn nút đăng ký tại trang đăng nhập.. |
| Hậu điều kiện | Chuyển sang trang xác thực otp khi đăng ký thành công.  Trả ra thông báo khi đăng ký thông thi sai format. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng nhập mã số sinh viên hoặc nhân viên. 2. Người dùng nhập họ tên. 3. Người dùng nhập email. 4. Người dùng nhập số diện thoại. 5. Người dùng nhập địa chỉ. 6. Người dùng nhập mật khẩu. 7. Người dùng nhấn nút đăng ký. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Người dùng nhập sai mã số sinh viên hoạc nhân viên.   2. Người dùng nhập sai 5 số đuôi khi so với 5 số đuôi mã số của email sinh viên.   3. Người dùng bỏ trống không điền mã số sinh viên hoặc nhân viên.   4. Người dùng bỏ trống không điền họ tên.   5. Người dùng bỏ trống không điền email.   6. Người dùng điền sai 5 số cuối của email sinh viên số với mã số sinh viên.   7. Người dùng bỏ trống không điền số điện thoại.   8. Người dùng bỏ trống không điền địa chỉ.   9. Người dùng bỏ trống không điền mật khẩu.   10. Người dùng điền mật khẩu ít hơn 6 chữ số.   11. Chuyển sang trang opt nếu đăng ký thành công   12. Thông báo lỗi nếu đăng ký thông tin không hợp lệ |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case 2 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Đăng nhập |
| Mô tả | Đăng nhập tài khoản người dùng. |
| Actor | Người dùng khách hàng. |
| Use-Case liên quan | Đăng ký. |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website. |
| Tiền điều kiện | Người dùng nhấn nút đăng nhập tại header.  Người dùng nhấn nút đăng nhập tại trang đăng ký. |
| Hậu điều kiện | Chuyển sang trang chủ nếu đăng nhập thành công.  Trả ra thông báo nếu đăng nhập sai tài khoản hoặc mật khẩu. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng nhập tài khoản là email. 2. Người dùng nhập nhật khẩu. 3. Người dùng nhấn nút đăng nhập |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Báo lỗi nếu người dùng chưa có tài khoản.   2. Báo lỗi nếu người dùng nhập sai tài khoản.   3. Báo lỗi nếu người dùng nhập sai mật khẩu. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case 3 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Quên mật khẩu |
| Mô tả | Đặc lại mật khẩu. |
| Actor | Người dùng khách hàng. |
| Use-Case liên quan | Chỉnh sửa thông tin người dùng. |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website. |
| Tiền điều kiện | Người dùng nhấn nút đăng nhập tại header.  Người dùng nhấn nút đăng nhập tại trang đăng ký. |
| Hậu điều kiện | Chuyển sang trang quên mật khẩu. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng nhập email đã đăng ký tài khoản. 2. Người dùng nhấn nút đặt lại mật khẩu |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Người dùng để trống ô email đăng ký.s |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case 4 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Xác nhận mã OTP |
| Mô tả | Xác thực mã opt để đảm bảo email người dùng là đúng. |
| Actor | Người dùng khách hàng. |
| Use-Case liên quan | Đăng ký, thêm thông tin người dùng. |
| Điều kiện kích hoạt | Đăng ký thành công tại trang đăng ký. |
| Tiền điều kiện | Đăng ký thành công tại trang đăng ký. |
| Hậu điều kiện | Nhập đúng mã OTP.  Nhập sai mã OTP. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhập mã OTP. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Người dùng nhập sai mã OTP.   2. Người dùng bỏ trống ô nhập mã OTP.   3. Không nhận được mã có thể nhấn nút gửi lại. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case 5 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Tìm kiếm sản phẩm. |
| Mô tả | Tìm kiếm các sản phẩm mà người dùng cần. |
| Actor | Người dùng khách hàng và quản trị. |
| Use-Case liên quan | Cửa hàng |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào cửa hàng của website. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào cửa hàng của website. |
| Hậu điều kiện | Trả ra các sản phẩm mà khách hàng cần tìm. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhập sản phẩm cần tìm tại ô tìm kiếm sản phẩm. 2. Nhấn enter hoặc nút biểu tượng tìm kiếm. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Sản phẩm không tôn tại. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case6 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Lọc sản phẩm. |
| Mô tả | Lọc từng loại sản phẩm theo từng loại riêng biệt mà người dùng cần. |
| Actor | Người dùng khách hàng và quản trị. |
| Use-Case liên quan | Cửa hàng |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào cửa hàng của website. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào cửa hàng của website. |
| Hậu điều kiện | Trả ra các loại sản phẩm mà khách hàng cần tìm. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Chọn vào ô lọc sản phẩm. 2. Chọn sản loại danh mục sản phẩm muốn tìm kiếm. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case 7 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Sắp xếp sản phẩm. |
| Mô tả | Sắp xếp sản phẩm theo yêu cầu mà người dùng cần như sắp xếp giá tăng dần, giảm giần, lượt hàng bán chạy nhất. |
| Actor | Người dùng khách hàng và quản trị. |
| Use-Case liên quan | Cửa hàng |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào cửa hàng của website. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào cửa hàng của website. |
| Hậu điều kiện | Trả ra các loại sản phẩm mà khách hàng cần tìm. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Chọn vào ô sắp xếp sản phẩm. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case8 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Bỏ giỏ sản phẩm. |
| Mô tả | Bỏ vào giỏ hàng các sản phẩm mà khách hàng muốn thuê. |
| Actor | Người dùng khách hàng và quản trị. |
| Use-Case liên quan | Bỏ giỏ sản phẩm. |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào cửa hàng của website. |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công vào hệ thống người dùng. |
| Hậu điều kiện | Sản phẩm khách hàng chọn sẽ được chuyển vào giỏ hàng. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhấn vào nút thêm sản phẩm. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Chọn sản phẩm hết hàng. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case9 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Lưu sản phẩm yêu thích |
| Mô tả | Lưu lại các sản phẩm yêu thích. |
| Actor | Người dùng khách hàng và quản trị |
| Use-Case liên quan | Lưu sản phẩm yêu thích |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào cửa hàng của website. |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công vào hệ thống người dùng |
| Hậu điều kiện | Sản phẩm sẽ được lưu vào mục sản phẩm yêu thích trong trong thông tin cá nhân của người dùng. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhấn vào nút yêu thích sản phẩm. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Sản phẩm chưa được yêu thích.   2. Sản phẩm đa được yêu thích rồi. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case10 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Thanh toán |
| Mô tả | Xác nhận lại thông tin đơn hàng và thanh toán. |
| Actor | Người dùng khách hàng và quản trị. |
| Use-Case liên quan | Bỏ giỏ sản phẩm. |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào cửa hàng của website. |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công vào hệ thống người dùng. |
| Hậu điều kiện | Đã bỏ giỏ các sản phẩm cần thiết. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Giỏ hàng không có sản phẩm nào được bỏ vào. 2. Người dùng nhập họ tên tại khung thông tin khách hàng. 3. Người dùng nhập mã số sinh viên hoặc nhân viên tại khung thông tin khách hàng. 4. Người dùng nhập số điện thoại người nhận tại khung thông tin khách hàng. 5. Người dùng chọn cơ sở nhận hàng tại khung thông tin khách hàng. 6. Người dùng chọn ngày giờ nhận hàng tại khung thông tin khách hàng. 7. Người dùng nhập ghi chú nếu cần thiết tại khung thông tin khách hàng. 8. Người dùng nhấn nút đặt hàng. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Người dùng bỏ trống bỏ trống ô thông tin nào đó. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case11 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Quản lý thông tin cá nhân |
| Mô tả | Chỉnh sửa thông in cá nhân của khách hàng. |
| Actor | Người dùng cá nhân |
| Use-Case liên quan | Chỉnh sửa thông tin người dùng. |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào cửa hàng của website. |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công vào hệ thống người dùng. |
| Hậu điều kiện | Truy cập vào trang cá nhân của người dùng. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhấn vào nút trang cá nhân tại menu navigation. 2. Nhấn nút chỉnh sửa thông tin. 3. Chỉnh sửa lại thông tin cá nhân bao gồm ảnh đại diện, họ tên, giới tín, số điện thoại, địa chỉ, khoa, ngành. 4. Nhấn nút lưu thông tin. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Người dùng chưa đăng nhập vào hệ thống người dùng.   2. Để trống các ô thông tin. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case12 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Quản lý đơn hàng |
| Mô tả | Xem danh sách đơn hàng đã đã đặc hàng khi hệ thống đã xác nhận đợn hàng hoặc chưa xác nhận đơn hàng. |
| Actor | Người dùng cá nhân. |
| Use-Case liên quan | Xem danh sách đơn hàng. |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào cửa hàng của website. |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công vào hệ thống người dùng. |
| Hậu điều kiện | Truy cập vào trang cá nhân của người dùng. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhấn vào nút lịch sử đơn hàng tại menu navigation. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Người dùng chưa đăng nhập vào hệ thống người dùng. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case13 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Quản lý đơn hàng |
| Mô tả | Xóa đơn hàng đã đã đặc hàng trước đó khi hệ thống chưa xác nhận đơn hàng. |
| Actor | Người dùng cá nhân. |
| Use-Case liên quan | Xóa đơn hàng. |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào cửa hàng của website. |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công vào hệ thống người dùng. |
| Hậu điều kiện | Truy cập vào trang cá nhân của người dùng. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhấn vào nút lịch sử đơn hàng tại menu navigation. 2. Nhấn vào nút xóa đơn hàng hoặc biểu tượng thùng rác tại đơn hàng muốn xóa. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Đơn hàng đã được xác nhận. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case14 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Quản lý đơn hàng |
| Mô tả | Xem chi tiết đơn hàng hàng đã đặc hàng khi hệ thống đã xác nhận đợn hàng hoặc chưa xác nhận đơn hàng. |
| Actor | Người dùng cá nhân. |
| Use-Case liên quan | Xem danh sách đơn hàng. |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào cửa hàng của website. |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công vào hệ thống người dùng. |
| Hậu điều kiện | Truy cập vào trang cá nhân của người dùng. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhấn vào nút lịch sử đơn hàng tại menu navigation. 2. Nhấn vào nút xem đơn hàng hoặc biểu tượng con mắt tại đơn hàng muốn xem. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Người dùng chưa đăng nhập vào hệ thống người dùng. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case151 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Đổi mật khẩu |
| Mô tả | Thây đổi mật khẩu người dùng. |
| Actor | Người dùng cá nhân. |
| Use-Case liên quan | Chỉnh sửa thông tin người dùng. |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào cửa hàng của website. |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công vào hệ thống người dùng. |
| Hậu điều kiện | Truy cập vào trang cá nhân của người dùng. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhấn vào nút đổi mật khẩu tại menu navigation. 2. Nhập mật khẩu cũ. 3. Nhập mật khẩu mới. 4. Nhấn nút đổi mật khẩu. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Người dùng chưa đăng nhập vào hệ thống người dùng.   2. Sai mật khẩu cũ.   3. Mật khẩu mới không trùng với mật khẩu cũ.   4. Mật khẩu mới không ngắn hơn 6 chữ số.   5. Các ô mật khẩu trống. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case16 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Xem danh sách sản phẩm. |
| Mô tả | Xem tất cả các sản phẩm có trong hệ thống. |
| Actor | Người dùng quản trị. |
| Use-Case liên quan | Sản phẩm |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website của quản trị. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào trang quản lý thiết bị sản phẩm. |
| Hậu điều kiện | Hiển thị ra danh sách. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhấn vào nút thiết bị tại thanh menu bên trái để truy cập vào trang quản lý thiết bị sản phẩm. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case17 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Thêm sản phẩm. |
| Mô tả | Thêm một sản phẩm mới vào hệ thống. |
| Actor | Người dùng quản trị. |
| Use-Case liên quan | Sản phẩm |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website của quản trị. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào trang quản lý thiết bị sản phẩm. |
| Hậu điều kiện | Nhấn vào nút thêm thiết bị sản phẩm mới. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhập tên thiết bị mới 2. Nhập số lượng 3. Nhập miêu tả (nếu cần) 4. Chọn hình ảnh sản phẩm 5. Chọn trạng thái sản phẩm 6. Chọn loại sản phẩm 7. Nhập giá tiền 8. Nhấn nút lưu sản phẩm mới. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Tên thiết bị mới bị trùng với tên của các thiệt bị có trong hệ thống.   2. Hình ảnh không đúng định dạng kích thước.   3. Các ô thông tin để trống.   4. Thông tin được điền không hợp lệ. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case18 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Chỉnh sửa sản phẩm. |
| Mô tả | Chỉnh sửa lại thông tin của sản phẩm. |
| Actor | Người dùng quản trị. |
| Use-Case liên quan | Sản phẩm |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website của quản trị. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào trang quản lý thiết bị sản phẩm. |
| Hậu điều kiện | Nhấn vào nút chỉnh sửa của thiết bị sản phẩm muốn chỉnh sửa. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Chỉnh sửa thông tin cần sửa 2. Nhấn nút lưu để thây đổi các thông tin muốn cập nhật. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Nhập thông tin không hợp lệ   2. Bỏ trông ô thông tin bắc buộc |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case19 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Xem danh sách các loại danh mục sản phẩm. |
| Mô tả | Xem tất cả các loại danh mục hiện có trong hệ thống. |
| Actor | Người dùng quản trị. |
| Use-Case liên quan | Danh mục |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website của quản trị. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào trang quản lý danh mục. |
| Hậu điều kiện | Hiển thị ra danh sách. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhấn vào nút danh mục tại thanh menu bên trái để truy cập vào trang quản lý danh mục. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case20 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Thêm danh mục loại sản phẩm. |
| Mô tả | Thêm một danh mục mới vào hệ thống. |
| Actor | Người dùng quản trị. |
| Use-Case liên quan | Danh mục |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website của quản trị. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào trang quản lý danh mục. |
| Hậu điều kiện | Nhấn vào nút thêm danh mục mới. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhập tên danh mục mới 2. Nhấn nút lưu danh mục mới. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Tên danh mục mới bị trùng với tên của các danh mục có trong hệ thống.   2. Bỏ trông ô tên danh mục. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case21 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Chỉnh sửa danh mục loại sản phẩm. |
| Mô tả | Chỉnh sửa lại thông tin của danh mục. |
| Actor | Người dùng quản trị. |
| Use-Case liên quan | Danh mục |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website của quản trị. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào trang quản lý danh mục. |
| Hậu điều kiện | Nhấn vào nút chỉnh sửa của loại danh mục muốn chỉnh sửa. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Chỉnh sửa thông tin cần sửa. 2. Nhấn nút lưu để thây đổi các thông tin muốn cập nhật. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Nhập thông tin không hợp lệ.   2. Bỏ trông ô thông tin bắc buộc. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case22 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Xem danh sách các hóa đơn. |
| Mô tả | Xem tất cả các hóa đơn hiện có trong hệ thống. |
| Actor | Người dùng quản trị. |
| Use-Case liên quan | Quản lý hóa đơn |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website của quản trị. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào trang quản lý hóa đơn. |
| Hậu điều kiện | Hiển thị ra danh sách. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhấn vào nút hóa đơn tại thanh menu bên trái để truy cập vào trang quản lý hóa đơn. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case23 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Lọc trạng thái các hóa đơn. |
| Mô tả | Lọc từng loại hóa đơn theo từng trạng thái riêng biệt mà người dùng muốn xem. |
| Actor | Người dùng quản trị. |
| Use-Case liên quan | Quản lý hóa đơn |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website của quản trị. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào trang quản lý hóa đơn. |
| Hậu điều kiện | Hiển thị ra danh sách. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Chọn vào ô lọc hóa đơn. 2. Chọn trạng thái hóa đơn muốn xem. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Không có hóa đơn nào. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case24 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Chỉnh sửa hóa đơn. |
| Mô tả | Chỉnh sửa lại thông tin của hóa đơn |
| Actor | Người dùng quản trị. |
| Use-Case liên quan | Quản lý hóa đơn |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website của quản trị. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào trang quản lý hóa đơn. |
| Hậu điều kiện | Nhấn vào nút chỉnh sửa của hóa đơn muốn chỉnh sửa. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Chỉnh sửa thông tin cần sửa. 2. Nhấn nút lưu để thây đổi các thông tin muốn cập nhật. |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Nhập thông tin không hợp lệ.   2. Bỏ trông ô thông tin bắc buộc. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case25 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Xem chi tiết hóa đơn. |
| Mô tả | Xem chi tiết các sản phẩm trong hóa đơn |
| Actor | Người dùng quản trị. |
| Use-Case liên quan | Quản lý hóa đơn |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website của quản trị. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào trang hóa đơn cụ thể. |
| Hậu điều kiện | Nhấn vào nút chỉnh sửa để xem các sản phẩm trong hóa đơn đó. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhấn nút xem hóa đơn hoăc nút chỉnh sửa để xem hóa đơn của một khác hàng bao gồm các sản phẩm trong hóa đơn. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case26 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Chỉnh sửa chi tiết hóa đơn. |
| Mô tả | Chỉnh sửa lại thông tin của một đơn sản phẩm trong đơn hàng. |
| Actor | Người dùng quản trị. |
| Use-Case liên quan | Quản lý hóa đơn |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website của quản trị. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào trang hóa đơn cụ thể. |
| Hậu điều kiện | Nhấn vào nút chỉnh sửa của một sản phẩm trong hóa đơn. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Cập nhật các thông tin. 2. Nhấn nút lưu lại thông tin muốn cập nhật |
| Luồng sự kiện phụ | * 1. Bỏ trống các ô bắc buộc.   2. Điền thông tin không hợp lệ. |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case27 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Xem danh sách người dùng đã đăng ký tài khoản. |
| Mô tả | Xem thông tin của tất cả người dùng đã đăng ký hiện có trong hệ thống. |
| Actor | Người dùng quản trị. |
| Use-Case liên quan | Thành viên |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website của quản trị. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào trang quản lý thành viên. |
| Hậu điều kiện | Hiển thị ra danh sách. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhấn vào nút thành viên tại thanh menu bên trái để truy cập vào trang quản lý thông tin thành viên. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case28 | Nội Dung |
| Tên Use-Case | Chỉnh sửa thông tin thành viên. |
| Mô tả | Chỉnh sửa lại thông tin của một tài khoản thành viên. |
| Actor | Người dùng quản trị. |
| Use-Case liên quan | Thành viên |
| Điều kiện kích hoạt | Truy cập vào website của quản trị. |
| Tiền điều kiện | Truy cập vào trang quản lý thành viên. |
| Hậu điều kiện | Nhấn vào nút thông tin hoặc biểu tượng thông tin của người đùng cụ thể. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Cập nhập lại thông tin khách hàng. 2. Nhấn nút lưu lại thông tin vừa cập nhật. |
| Luồng sự kiện phụ |  |